

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tuấn Vũ; bà Đoàn Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2021 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân Q, sinh năm 1990

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn 1, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Trần Xuân Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 15/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh Q tại thôn 1, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, nhiều lần chị bị anh Q đánh làm cho cuộc sống ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế. Mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2020, chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 4, xã V, huyện K sinh sống đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Xuân Q.

Chị và anh Q có 01 con chung là Trần Khánh C, sinh ngày 11/12/2013, hiện nay con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con C, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Chị là lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/tháng, chị và con đang ở nhà bố mẹ đẻ, gia đình sẽ hỗ trợ tối đa chị trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay.

*) Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970, cư trú tại: Thôn 1, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ của anh Trần Xuân Q) cung cấp nội dung như sau:

Về điều kiện kết hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Xuân Q như chị T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình bà, quá trình chung sống giữa chị T và gia đình bà không có mâu thuẫn gì. Giữa vợ chồng có mâu thuẫn, trực trặc thì gia đình hai bên và địa phương có khuyên giải nhiều lần nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại mâu thuẫn. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 4, xã V sinh sống, từ đó đến nay gia đình bà và anh Q có đến đón cháu C về chơi, không gọi chị T về và chị T không liên lạc, quan tâm gì đến gia đình bà nữa. Theo bà, việc chị T và anh Q ly hôn hay đoàn tụ là do hai người quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Trần Khánh C, sinh ngày 11/12/2013, hiện cháu đang ở cùng chị T. Nếu chị T và anh Q ly hôn thì do cháu đang ở với chị T nên để chị T tiếp tục nuôi dưỡng, khi nào chị T không nuôi nữa thì anh Q và gia đình bà sẽ nuôi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh Q không có tài sản chung, không nợ gì đối với cá nhân, tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1974; cư trú tại: Thôn 4, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (là bố đẻ của chị Nguyễn Thị T) trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Xuân Q có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần anh Q đánh chị T. Gia đình ông đã nhiều lần khuyên bảo hòa giải nhưng do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 01/2020, chị T và con về nhà ông sinh sống đến nay. Theo ông, chị T và anh Q khó có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh Q có 01 con chung là Trần Khánh C, sinh ngày 11/12/2013, hiện nay cháu đang ở cùng chị T và gia đình ông, quá trình sinh sống tại gia đình ông từ tháng 01/2020 đến nay, gia đình ông đã hỗ trợ tối đa chị T trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con, cháu có sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Ông đề nghị Tòa án giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, gia đình ông cam kết sẽ hỗ trợ tối đa chị T trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu. Chị T và anh Q có tài sản chung hay không thì ông không nắm được, vợ chồng không có nợ gì.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị T và anh Q cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Xuân Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh Q tại thôn 1, xã V, quá trình chung sống, chị T và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên và địa phương đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không thành, hiện chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Trần Khánh C, sinh ngày 11/12/2013, hiện cháu đang ở cùng chị T, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và điều kiện, hoàn cảnh của từng người để giao con, đảm bảo quyền lợi của cháu.

Chị T và anh Q không có tài sản chung, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Xuân Q.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Khánh C, sinh ngày 11/12/2013. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Trần Xuân Q không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Xuân Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, nhiều lần chị T bị anh Q đánh làm cho cuộc sống ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế. Mặc dù gia đình hai bên và địa phương đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2020 đến nay, mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Q không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên hòa giải thể hiện việc anh không có thiện chí để đoàn tụ với chị T. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Q là có

thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Xuân Q là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh Q 01 con chung là Trần Khánh C, sinh ngày 11/12/2013, hiện con đang ở cùng chị T. Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con C, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Chị Thủy đã chứng minh được điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, chị T còn được gia đình hỗ trợ tối đa trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con nên cần giao cho chị Thủy trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Khánh C là phù hợp với các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung: Do anh Q chưa có lời khai về tài sản, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Xuân Q.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Khánh C, sinh ngày 11/12/2013. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Chị T và anh Q có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001832 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái